

令和 3 年 8 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	湯 浅 敏 晴	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	37.3 t	7.83	5.3 cm	22.0 °C	
放流水量	37.6 t	7.82	50.0 cm	22.0 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	248 KWH	3,819 KWH	7.33 t	
日平均使用量	8.0 KWH	123.2 KWH	0.24 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	ﾌﾞﾗ残渣
月計	6台: 2.83t	15台: 29.02t	24台: 19.43t	15台: 50.93t	1台: 2.64t	
前月累計	26台: 13.11t	144台: 300.10t	159台: 120.98t	40台: 123.85t	5台: 13.11t	
年度計	32台: 15.94t	159台: 329.12t	183台: 140.41t	55台: 174.78t	6台: 15.75t	

小 計	
月計	61台: 104.85 t
前月累計	374台: 571.15 t
年度計	435台: 676.00 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	t	61台: 104.85 t
前月累計	1.12 t	374台: 572.27 t
年度計	1.12 t	435台: 677.12 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	10台	262 m ³
前月累計	135台	1,428 m ³
年度計	145台	1,690 m ³

項目	日
搬入日数	16
日平均搬入数量	6.55 t

月	ごみ埋立量	搬入台数
4	133.67 t	94台
5	134.03 t	98台
6	186.18 t	112台
7	118.39 t	70台
8	104.85 t	61台
9	t	台
10	t	台
11	t	台
12	t	台
1	t	台
2	t	台
3	t	台
計	677.12 t	435台

薬品名	使用量
スケール分散剤	40.00 kg
凝集剤 パック	100.00 kg
凝集助剤 ポリマ	0.80 kg
固形塩素剤	2.00 kg
脱水助剤 104	kg
脱水助剤 94b	kg
アワゼロン	kg
清 缶 剤	kg
並 塩	kg
リ ン 酸	kg
保護 マット	枚
汚 泥 量	m ³
脱水ケーキ量	t
脱水機運転時間	H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1		°C	°C	°C
2	晴	26 °C	32 °C	22 °C
3	晴	25 °C	33 °C	22 °C
4	曇/雨	30 °C	34 °C	22 °C
5	晴	30 °C	34 °C	23 °C
6	晴	31 °C	34 °C	23 °C
7		°C	°C	°C
8		°C	°C	°C
9		°C	°C	°C
10	雨	15 °C	16 °C	15 °C
11	晴	17 °C	22 °C	12 °C
12	晴	21 °C	23 °C	12 °C
13	晴	20 °C	24 °C	11 °C
14		°C	°C	°C
15		°C	°C	°C
16	晴	20 °C	25 °C	13 °C
17	晴	22 °C	25 °C	16 °C
18	雨	23 °C	20 °C	16 °C
19	晴	20 °C	24 °C	16 °C
20	晴	21 °C	25 °C	17 °C
21		°C	°C	°C
22		°C	°C	°C
23	晴	23 °C	27 °C	14 °C
24	晴	22 °C	26 °C	18 °C
25	雨	20 °C	24 °C	19 °C
26	曇/晴	22 °C	29 °C	19 °C
27	晴/曇	24 °C	29 °C	19 °C
28		°C	°C	°C
29		°C	°C	°C
30	晴	24 °C	30 °C	17 °C
31	晴	12 °C	24 °C	17 °C